



Tiếng Việt

Chào buổi sáng



Português

Bom dia



Filipino

Magandang umaga po



中文

早上好



Indonesia

Selamat pagi



English

Good morning



にほんご / Japanese

おはようございます

ohayō gozaimasu



Tiếng Việt

Xin chào



Português

Olá



Filipino

Magandang araw po



中文

你好



Indonesia

Halo



English

Hello



にほんご / Japanese

こんにちは

konnichiwa



Tiếng Việt

Cảm ơn rất nhiều



Português

Muito obrigado



Filipino

Maraming salamat po



中文

非常感谢



Indonesia

Terima kasih banyak



English

Thank you very much



にほんご / Japanese

**ありがとうございます
います**

arigatō gozaimasu



Tiếng Việt

Xin lỗi, cho tôi hỏi



Português

Com licença



Filipino

Paumanhin po



中文

打扰一下



Indonesia

Permisi



English

Excuse me



にほんご / Japanese

すみません

sumimasen



Tiếng Việt

Chào buổi tối



Português

Boa noite



Filipino

Magandang gabi po



中文

晚上好



Indonesia

Selamat malam



English

Good evening



にほんご / Japanese

こんばんは

konbanwa



Tiếng Việt

Tạm biệt



Português

Tchau



Filipino

Paalam po



中文

再见



Indonesia

Sampai jumpa



English

Goodbye



にほんご / Japanese

さようなら

sayōnara



Tiếng Việt

Rất mong được giúp đỡ



Português

Muito prazer



Filipino

Ikinagagalak ko pong makilala kayo



中文

请多关照



Indonesia

Senang berkenalan dengan Anda



English

Nice to meet you (I look forward to working with you)



にほんご / Japanese

**よろしく おねがい
いたします**

よろしくお願ひします

yoroshiku onegaishimasu



Tiếng Việt

Tôi xin lỗi



Português

Desculpe



Filipino

Pasensya na po



中文

对不起



Indonesia

Maaf



English

I'm sorry



にほんご / Japanese

ごめんなさい

gomen nasai



Tiếng Việt

Cảm ơn anh chị đã vất vả



Português

Obrigado pelo seu trabalho



Filipino

Salamat po sa inyong pagsisikap



中文

辛苦了



Indonesia

Terima kasih atas kerja kerasnya



English

Thank you for your hard work



にほんご / Japanese

おつかれさまで
す

お疲れさまです

otsukaresama desu



Tiếng Việt

Tôi hiểu rồi



Português

Entendi



Filipino

Naiintindihan ko po



中文

我明白了



Indonesia

Saya mengerti



English

I understand



にほんご / Japanese

わかりました

wakarimashita



Tiếng Việt

Xin nói lại một lần nữa



Português

Mais uma vez, por favor



Filipino

Pakiulit po



中文

请再说一遍



Indonesia

Tolong ulangi sekali lagi



English

One more time, please



にほんご / Japanese

**もう いちど おね
がいします**

もう一度お願いします

mō ichido onegaishimasu



Tiếng Việt

Hôm nay tôi xin nghỉ



Português

Hoje vou faltar



Filipino

Hindi po ako papasok ngayon



中文

我今天请假



Indonesia

Hari ini saya izin tidak masuk



English

I will be absent today



にほんご / Japanese

**きょうは やすみ
ます**

今日は休みます

kyō wa yasumimasu



Tiếng Việt

Tôi sẽ đến muộn



Português

Vou me atrasar



Filipino

Mahuhuli po ako



中文

我会迟到



Indonesia

Saya akan terlambat



English

I will be late



にほんご / Japanese

おくれます

遅れます

okuremasu



Tiếng Việt

Tôi xin phép về trước



Português

Com licença, já vou indo



Filipino

Mauuna na po ako



中文

我先走了



Indonesia

Saya pulang duluan



English

I'm leaving first, see you



にほんご / Japanese

**おさきに しつれ
いします**

お先に失礼します

osaki ni shitsurei shimasu



Tiếng Việt

Cho tôi cái này



Português

Este, por favor



Filipino

Pabili po nito



中文

请给我这个



Indonesia

Saya mau yang ini



English

This one, please



にほんご / Japanese

これを ください

kore o kudasai



Tiếng Việt

Cái này bao nhiêu tiền?



Português

Quanto custa?



Filipino

Magkano po ito?



中文

多少钱?



Indonesia

Berapa harganya?



English

How much is it?



にほんご / Japanese

いくらですか

ikura desu ka



Tiếng Việt

Tôi không cần túi



Português

Não preciso de sacola



Filipino

**Hindi ko na po
kailangan ng supot**



中文

我不需要袋子



Indonesia

**Saya tidak perlu
kantong**



English

I don't need a bag



にほんご / Japanese

**ふくろはいりま
せん**

袋はいりません

fukuro wa irimasen



Tiếng Việt

Tôi có thể trả bằng thẻ không?



Português

Posso pagar com cartão?



Filipino

Puwede po bang magbayad gamit ang card?



中文

可以刷卡吗?



Indonesia

Bisa bayar pakai kartu?



English

Can I pay by card?



にほんご / Japanese

カードではらえますか

カードで払えますか

kādo de haraemasu ka



Tiếng Việt

Cái này ở đâu ạ?



Português

Onde fica isto?



Filipino

Saan ko po makikita ito?



中文

这个在哪里?



Indonesia

Di mana saya bisa menemukan ini?



English

Where can I find this?



にほんご / Japanese

これは どこに ありますか

kore wa doko ni arimasu ka



Tiếng Việt

Nhà vệ sinh ở đâu?



Português

Onde fica o banheiro?



Filipino

**Nasaan po ang CR
(banyo)?**



中文

洗手间在哪里?



Indonesia

Di mana toiletnya?



English

Where is the toilet?



にほんご / Japanese

**トイレはどこで
すか**

toire wa doko desu ka



Tiếng Việt

Nhà ga ở đâu?



Português

Onde fica a estação?



Filipino

Nasaan po ang istasyon?



中文

车站在哪里?



Indonesia

Di mana stasiunnya?



English

Where is the station?



にほんご / Japanese

えきは どこです
か

駅はどこですか

eki wa doko desu ka



Tiếng Việt

**Xe buýt này có đi đến
nhà ga không?**



Português

**Este ônibus vai para a
estação?**



Filipino

**Papunta po ba sa
istasyon ang bus na
ito?**



中文

这辆公交车去车站吗?



Indonesia

**Apakah bus ini ke
stasiun?**



English

**Does this bus go to the
station?**



にほんご / Japanese

**このバスは えき
に いきますか**

このバスは駅に行きますか

**kono basu wa eki ni ikimasu
ka**



Tiếng Việt

Tôi bị lạc đường



Português

Estou perdido



Filipino

Naliligaw po ako



中文

我迷路了



Indonesia

Saya tersesat



English

I'm lost



にほんご / Japanese

**みちに まよいま
した**

道に迷いました

michi ni mayoimashita



Tiếng Việt

Tôi không hiểu tiếng Nhật



Português

Não entendo japonês



Filipino

**Hindi ko po
naiintindihan ang
Japanese**



中文

我听不懂日语



Indonesia

**Saya tidak mengerti
bahasa Jepang**



English

**I don't understand
Japanese**



にほんご / Japanese

**にほんごが わか
りません**

日本語がわかりません

nihongo ga wakarimasen



Tiếng Việt

Xin hãy nói chậm lại



Português

Fale devagar, por favor



Filipino

Pakibagalan po ang pagsasalita



中文

请说慢一点



Indonesia

Tolong bicara pelan-pelan



English

Please speak slowly



にほんご / Japanese

ゆっくり はなし
て ください

ゆっくり話してください

yukkuri hanashite kudasai



Tiếng Việt

Xin hãy viết vào đây



Português

Escreva aqui, por favor



Filipino

Pakisulat po dito



中文

请写在这里



Indonesia

Tolong tulis di sini



English

Please write it here



にほんご / Japanese

ここに かいて く
ださい

ここに書いてください

koko ni kaite kudasai



Tiếng Việt

Xin hãy giúp tôi



Português

Por favor, me ajude



Filipino

Tulongan po ninyo ako



中文

请帮帮我



Indonesia

Tolong bantu saya



English

Please help me



にほんご / Japanese

**たすけて くださ
い**

助けてください

tasukete kudasai



Tiếng Việt

Bạn có nói được tiếng Anh không?



Português

Você fala inglês?



Filipino

Marunong po ba kayong mag-English?



中文

你会说英语吗?



Indonesia

Apakah Anda bisa berbahasa Inggris?



English

Do you speak English?



にほんご / Japanese

**えいごは はなせ
ますか**

英語は話せますか

eigo wa hanasemasu ka



Tiếng Việt

Ở đây có phiên dịch
không?



Português

Tem intérprete?



Filipino

May interpreter po ba
dito?



中文

这里有翻译吗?



Indonesia

Apakah ada
penerjemah?



English

Is there an interpreter?



にほんご / Japanese

つうやくは いま
すか

通訳はいますか

tsūyaku wa imasu ka



Tiếng Việt

**Tôi cần giấy chứng nhận
cư trú (juminhyo)**



Português

**Preciso do atestado de
residência (juminhyo)**



Filipino

**Kailangan ko po ng
certificate of residence
(juminhyo)**



中文

我想开住民票（居住证明）



Indonesia

**Saya perlu surat
keterangan tempat
tinggal (juminhyo)**



English

**I need a certificate of
residence (juminhyo)**



にほんご / Japanese

じゅうみんひょ
うが ほしいです

住民票がほしいです

jūminhyō ga hoshii desu



Tiếng Việt

**Tôi muốn làm thủ tục
chuyển địa chỉ**



Português

**Quero registrar a
mudança de endereço**



Filipino

**Gusto ko pong i-
rehistro ang paglipat ng
tirahan**



中文

**我想办理搬家（地址变
更）手续**



Indonesia

**Saya ingin melaporkan
pindah alamat**



English

**I want to register my
change of address**



にほんご / Japanese

ひっこしの てつ
づきを したいで
す

引っ越しの手続きをしたいと思います

hikkoshi no tetsuzuki o shitai
desu



Tiếng Việt

Tôi có thẻ cư trú



Português

Tenho o cartão de residente



Filipino

Mayroon po akong residence card



中文

我有在留卡



Indonesia

Saya punya kartu izin tinggal



English

I have my residence card



にほんご / Japanese

**ざいりゅうカード
をもっています**

在留カードを持っています

zairyū kādo o motte imasu



Tiếng Việt

**Tôi muốn làm thẻ My
Number**



Português

**Quero fazer o cartão My
Number**



Filipino

**Gusto ko pong mag-
apply ng My Number
Card**



中文

**我想办理个人编号卡 (My
Number卡)**



Indonesia

**Saya ingin membuat
kartu My Number**



English

**I want to apply for a My
Number Card**



にほんご / Japanese

**マイナンバーカ
ードをつくりた
いです**

マイナンバーカードを作りたいです

**mainanbā kādo o tsukuritai
desu**



Tiếng Việt

**Tôi muốn tham gia bảo
hiểm y tế quốc dân**



Português

**Quero entrar no Seguro
Nacional de Saúde**



Filipino

**Gusto ko pong sumali
sa National Health
Insurance**



中文

我想加入国民健康保险



Indonesia

**Saya ingin ikut
Asuransi Kesehatan
Nasional**



English

**I want to join National
Health Insurance**



にほんご / Japanese

こくみん けんこ
うほけんにはい
りたいです

国民健康保険に入りたいです

kokumin kenkō hoken ni
hairitai desu



Tiếng Việt

Tôi nên đến quầy nào?



Português

Qual balcão devo ir?



Filipino

Saang counter po ako pupunta?



中文

我应该去哪个窗口?



Indonesia

Saya harus ke loket mana?



English

Which counter should I go to?



にほんご / Japanese

**どの まどぐちで
すか**

どの窓口ですか

dono madoguchi desu ka



Tiếng Việt

Bệnh viện ở đâu?



Português

Onde fica o hospital?



Filipino

Nasaan po ang ospital?



中文

医院在哪里?



Indonesia

Di mana rumah sakit?



English

Where is the hospital?



にほんご / Japanese

びょういんは どこ
ですか

病院はどこですか

byōin wa doko desu ka



Tiếng Việt

Tôi bị đau ở đây



Português

Dói aqui



Filipino

Masakit po dito



中文

这里疼



Indonesia

Sakit di sini



English

It hurts here



にほんご / Japanese

**ここがいたいで
す**

ここが痛いです

koko ga itai desu



Tiếng Việt

Tôi bị sốt



Português

Estou com febre



Filipino

May lagnat po ako



中文

我发烧了



Indonesia

Saya demam



English

I have a fever



にほんご / Japanese

ねつがあります

熱があります

netsu ga arimasu



Tiếng Việt

Tôi đang uống thuốc



Português

**Estou tomando
remédio**



Filipino

**Umiinom po ako ng
gamot**



中文

我正在吃药



Indonesia

**Saya sedang minum
obat**



English

I am taking medicine



にほんご / Japanese

くすりを のんで
います

薬を飲んでいます

kusuri o nonde imasu



Tiếng Việt

Tôi bị dị ứng



Português

Tenho alergia



Filipino

May allergy po ako



中文

我有过敏



Indonesia

Saya punya alergi



English

I have an allergy



にほんご / Japanese

アレルギーが あります

arerugī ga arimasu



Tiếng Việt

Con tôi bị sốt nên nghỉ học



Português

Meu filho vai faltar à escola por causa da febre



Filipino

Hindi po papasok sa school ang anak ko dahil may lagnat siya



中文

孩子发烧了，不去学校



Indonesia

Anak saya tidak masuk sekolah karena demam



English

My child will miss school because of a fever



にほんご / Japanese

**こどもがねつで
がっこうをやす
みます**

子どもが熱で学校を休みます

**kodomo ga netsu de gakkō o
yasumimasu**



Tiếng Việt

Tôi đến đón con



Português

Vim buscar meu filho



Filipino

**Narito po ako para
sunduin ang anak ko**



中文

我来接孩子



Indonesia

**Saya datang
menjemput anak saya**



English

**I'm here to pick up my
child**



にほんご / Japanese

**むかえに きました
た**

迎えに来ました

mukae ni kimashita



Tiếng Việt

**Tôi muốn nói chuyện
với giáo viên**



Português

**Gostaria de falar com o
professor**



Filipino

**Gusto ko pong
makausap ang guro**



中文

我想和老师谈谈



Indonesia

**Saya ingin berbicara
dengan guru**



English

**I'd like to talk with the
teacher**



にほんご / Japanese

**せんせいと はな
したいです**

先生と話したいです

sensei to hanashitai desu



Tiếng Việt

Xin hãy gọi xe cấp cứu



Português

**Chame uma
ambulância, por favor**



Filipino

**Pakitawag po ng
ambulansya**



中文

请叫救护车



Indonesia

**Tolong panggil
ambulans**



English

**Please call an
ambulance**



にほんご / Japanese

きゅうきゅうし
やを よんで くだ
さい

救急車を呼んでください

kyūkyūsha o yonde kudasai



Tiếng Việt

Có cháy!



Português

Incêndio!



Filipino

May sunog po!



中文

着火了!



Indonesia

Ada kebakaran!



English

There is a fire!



にほんご / Japanese

かじです

火事です

kaji desu



Tiếng Việt

Nơi sơ tán ở đâu?



Português

Onde fica o abrigo de evacuação?



Filipino

Nasaan po ang evacuation center?



中文

避难所在哪里?



Indonesia

Di mana tempat pengungsian?



English

Where is the evacuation shelter?



にほんご / Japanese

ひなんじょは どこ
ですか

避難所はどこですか

hinanjo wa doko desu ka



Tiếng Việt

Xin hãy gọi cảnh sát



Português

Chame a polícia, por favor



Filipino

Pakitawag po ang pulis



中文

请叫警察



Indonesia

Tolong panggil polisi



English

Please call the police



にほんご / Japanese

けいさつを よん
で ください

警察を呼んでください

keisatsu o yonde kudasai